

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ - ST

Ngày 26 - 4 - 2024

“Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung.

2. Bà Vũ Thị Xuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Lã Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị N; địa chỉ cư trú: thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Đức N1; địa chỉ cư trú: tổ 22, khu 5, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị R (tên gọi khác: Nguyễn Thị D); địa chỉ cư trú: tổ 22, khu 5, phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Phạm Đức N1 tự nguyện kết hôn tại UBND phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào năm 2019. Quá trình

chung sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Phạm Đức N1 có những hành vi bạo lực gia đình như đánh, chửi chị và là một người đàn ông vũ phu. Mâu thuẫn vợ chồng chị được gia đình hai bên và họ hàng khuyên nhủ nên chị chưa thực hiện thủ tục ly hôn với anh N1 nhưng khi sống chung một mái nhà chị nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc của hai bên rất nhiều. Chị và anh Phạm Đức N1 đã nhiều lần nói chuyện làm lành nhưng không thành, hai bên vẫn không thể có tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân được gần 2 năm nay; khi ly thân mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay, chị Lâm Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đức N1.

- Về con chung: quá trình chung sống giữa chị N và anh N1 có 01 con chung tên là Phạm Anh K, sinh ngày 14/12/2019. Nay vợ chồng ly hôn chị N nhận quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Phạm Đức N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần lên Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh N1 không đến làm việc.**

*** Người làm chứng bà Nguyễn Thị R (tên gọi khác: Nguyễn Thị R) trình bày:** Bà R là bà ngoại của anh Phạm Đức N1, lý do anh N1 ở cùng với bà là do bố đẻ của anh N1 đã chết, mẹ đẻ đi lấy chồng. Anh Phạm Đức N1 kết hôn với chị Lâm Thị N vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh N1 và chị N thuê nhà tại phường T, thành phố U sinh sống. Quá trình chung sống anh N1 và chị N có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N1 nghiện chất ma túy nên vợ chồng thường xảy ra đánh cãi, chửi bới, xúc phạm nhau. Vợ chồng anh N1 và chị N đã sống ly thân từ lâu, khi ly thân chị N lên Bắc Giang làm việc còn anh N1 về ở cùng với bà. Bà được biết hiện nay cả anh N1 và chị N đều đã có tình cảm với người khác. Về con chung: anh N1 và chị N có 01 con chung tên là Phạm Anh K, sinh năm 2019, khi ly thân cháu K ở cùng với chị N. Về tài sản chung và nợ chung của anh N1 và chị N: bà R không nắm được. Việc chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N1 và nhận nuôi dưỡng con chung, quan điểm của bà R: đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh N1 nhanh chóng và được quyền nuôi dưỡng con chung.

Ngoài ra, bà R còn trình bày: các văn bản Tòa án tổng đạt cho anh N1, bà R và bà Bùi Thị Hồng V (là bác dậu của anh N1) là người nhận thay cho anh

N1; bà R cũng như bà V đã giao và thông báo kịp thời cho anh N1 các văn bản trên, việc anh N1 có đến Toà án làm việc hay không thì bà không nắm được.

* Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, ông Hoàng Cao Kh – Trưởng khu 5, phường B, thành phố U cho biết: Chị Lâm Thị N và anh Phạm Đức N1 không tổ chức lễ cưới tại địa phương nên địa phương không nắm được. Chị N và anh N1 cũng không sinh sống tại phường B, thành phố U nên địa phương cũng không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh N1. Vì anh Phạm Đức N1 là cháu ngoại của bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1948; địa chỉ: tổ 22, khu 5, phường B, thành phố U nên anh N1 về đây sinh sống cùng bà D. Việc chị Lâm Thị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Đức N1 và đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, quan điểm của chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, ông Kh cho biết: trên địa bàn phường B, thành phố U hiện nay anh Phạm Đức N1 không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giải quyết cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Phạm Đức N1; giao con chung Phạm Anh K, sinh ngày 14/12/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Phạm Đức N1 không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lâm Thị N thì đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Phạm Đức N1 có địa chỉ cư trú tại tổ 22, khu 5,

phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Đức N1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt (không có lý do) và không có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Lâm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Phạm Đức N1 tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa chị N và anh N1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N1 là người vũ phu, có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập, chửi bới chị N; mặt khác anh N1 là người nghiện chất ma túy nên vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, cả hai không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh N1 vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy: giữa chị N và anh N1 có mâu thuẫn, cả hai hiện nay đã sống ly thân, hai người không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị N được ly hôn anh N1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Chị Lâm Thị N và anh Phạm Đức N1 có một con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 14/12/2019, nay ly hôn chị N nhận nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy: khi chị N và anh N1 sống ly thân thì con chung ở cùng chị N, được chị N chăm sóc chu đáo; mặt khác, con chung hiện nay còn nhỏ cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do đó, cần giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh N1 không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Lâm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Lâm Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lâm Thị N được ly hôn anh Phạm Đức N1.

2. *Về con chung*: giao cho chị Lâm Thị N có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên là Phạm Anh K, sinh ngày 14/12/2019, kể từ ngày xét xử (ngày 26/4/2024) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Đức N1 không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Đức N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị Lâm Thị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phạm Đức N1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về án phí*: Chị Lâm Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002601 ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH (UBND phường Bắc Sơn, TP Uông Bí);
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thịnh